



LUYỆN NGHE NÓI 1000 TỪ VỰNG TIẾNG ANH THÔNG DỤNG

CHỦ ĐỀ 30: NGÀY & GIỜ (DATES & TIME)

Buổi chiều



Afternoon

Lịch



Calendar

Thế kỉ



Century

Ngày (thường chỉ ngày trong tháng)



Date



LIVEWORKSHEETS

Ngày (thường chỉ
ngày trong tuần)



Day

Thập kỉ

TEN **10** YEARS

Decade

Buổi tối



Evening

Mùa thu



Fall

Mùa thu



Autumn

Giờ, tiếng



Hour

Phút



Minute

Tháng



Month



Buổi sáng



Morning

Buổi đêm



Night

Buổi trưa



Noon

Quý



Quarter

Mùa



Season

Giây



Second

Mùa xuân



Spring

Mùa hè



Summer



Thời gian



Time

Đồng hồ đeo
tay



Watch

Tuần



Week

Mùa đông



Winter

Năm



Year



LIVEWORKSHEETS